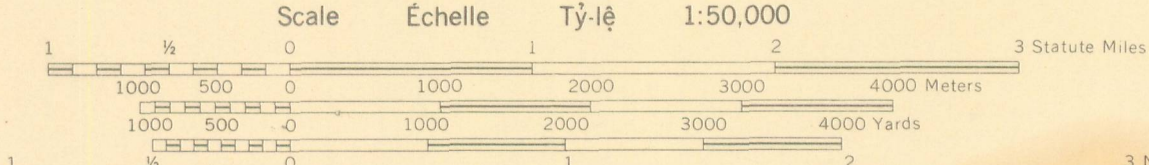




CỤC BẢN ĐỒ-BỘ TỔNG THAM MƯU-O.D.N.D.V.N
In lần thứ hai năm 1979 theo 1:50000 của M5
in năm 1966
Chính tỷ bổ sung theo 1:25000 Gauss in năm 1977
và 1:100000 U.T.M in năm 1978

LEGEND-LÉGENDE-CHỮ-TỰ
MAP INFORMATION AS OF 1965
RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1965

On this map a 1:50,000 scale is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width
Sur cette carte une VOIE correspond à une largeur minimum de 2.4 mètres (8 pieds)
Trên bản đồ này một LỐI XE ôtô sẽ được coi như rộng ít nhất là 2.4 mét



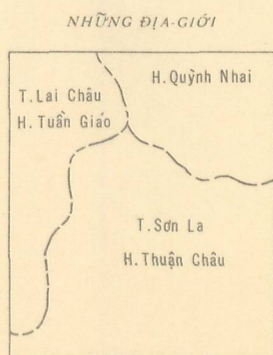
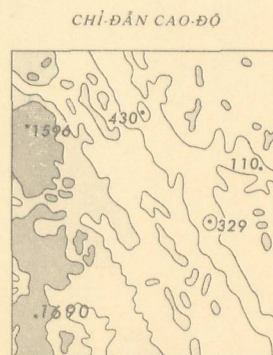
CONTOUR INTERVAL - 20 METERS

ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÊT

RELIEF PARTIALLY SHOWN BY FORM LINES
RELIEF PARTIELLEMENT REPRÉSENTÉ PAR LES LIGNES CARACTÉRISTIQUES
SPHEROID GRID 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
ÉLIPSOÏDE QUADRILAGE KILOMÉTRIQUE UTM FUSEAU 48 (LES LIGNES CHIFFRÉES EN NOIR)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
NIVEAU DE RÉFÉRENCE NIVEAU MOYEN APPROXIMATIF DES MERS
HORIZONTAL DATUM APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE RÉFÉRENCE LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE L'INDO CHINE 1960

MỘT PHẦN ĐỊA THỂ ĐƯỢC TRÌNH BÀY BẰNG CÁC ĐƯỜNG
BIỂU DIỄN HÌNH THỂ
KHỐI BẦU ĐỤC Ỏ TƯỜNG
HỆ THỐNG CHIẾU UTM TUNG 1,000 MÊT: KHU HÌNH THỜI 48
BÌNH DIỆN CHUẨN MẶT BIÊN TRUNG BÌNH PHONG CHUNG
HỆ THỐNG TRẮC CẦU CHUẨN HỆ THỐNG TRẮC CẦU AN-ĐỘ 1960



BẢNG RÁP ĐỊA-ĐỘ		
5652 I	5752 IV	5752 I
5652 II	5752 III	5752 II
5651 I	5751 IV	5751 I